TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 22/2019/HS-ST Ngày 10 – 5 – 2019	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tộ.
2. Ông Nguyễn Đại Đồng.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Quang, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị L, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2019/HSST ngày 28 tháng 3 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N sinh năm 1982 tại Mỹ Đức – Hà Nội; nơi cư trú: Thôn TS, thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Lập và bà Nguyễn Thị Biên; có chồng là Lê Văn C và hai con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 29/8/2018 đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại:* Bà Hoàng Thị L {tên gọi khác: Quyền An} sinh năm 1965. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố thôn TT, thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Văn phòng công chứng Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tổ dân phố thôn TT, thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hà. Chức vụ: Trưởng Văn phòng công chứng Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tổ dân phố thôn TT, thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ N hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank). Địa chỉ: Số 89 LH, phường LH, quận Đống Đa, Thành phố H à Nội.

Người đại diện theo ph áp luật: Ông Nguyễn Ch íD. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (VPBank). Vắng mặt.

+ Anh Lê Văn C sinh năm 1977. Có mặt.

Nơi cư trú: Th ôn TS, thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Sỹ Đ sinh năm 1976. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã PLT, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

+ Anh Lê Đức V sinh năm 1987. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Miếu Môn, xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị Khu ê sinh năm 1947. Có mặt.

Nơi cư trú: Th ôn TS, thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

+ Ông Nguyễn Văn N sinh năm 1969. Vắng mặt.

+ Chị Đỗ Thị Hòa sinh năm 1986. Vắng mặt.

Cùng cư trú: Tổ dân phố thôn TT, thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

+ Bà Nguyễn Thị B sinh năm 1957. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Hạ, xã PLT, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1988. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã PLT, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị N sinh năm 1984. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn ĐX, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Hoàng Thị H sinh năm 1982. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn HX, xã ĐH, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

+ Ông Hoàng Tiến Quý sinh năm 1973. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã PX, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

+ Bà Bùi Thị Vân sinh năm 1973. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1980. Vắng mặt.

Cùng cư trú: Thôn D , xã PT, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

+ Ông Trần Mạnh T sinh năm 1965. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tiểu khu 70, thị trấn NT, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo c ác t ài liệu c ó trong hồ sơ vụ án v à diễn biến tại phi ên t òa, nội dung vụ án được t óm tắt như sau:

- *Về h ành vi phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:*

Từ ngày 28/10/2011 đến ngày 11/9/2015, Nguyễn Thị N đã 07 lần viết giấy vay 350.000.000 đồng của bà Hoàng Thị L. Đáo hạn, bà L đòi tiền nhưng N không trả mà bỏ trốn khỏi địa phương, cắt đứt toàn bộ liên lạc với gia đình, người thân, che giấu nơi cư trú, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nhằm chiếm đoạt tài sản. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức đã nhiều lần gửi giấy triệu tập cho N ngày 27/5/2016, 21/9/2016, 26/9/2016, 24/01/2018, 31/01/2018, 07/02/2018 nhưng N không đến làm việc. Xác minh tại chính quyền địa phương, tại nơi ở và gia đình của N nhưng mẹ chồng N bà Nguyễn Thị Khuê, chồng N anh Lê Văn C, mẹ đẻ N và những người thân thích khác đều khai N bỏ đi từ tháng 12/2015 đến tháng 3/2018 hiện vẫn không biết N đang ở đâu, làm gì.

Ngày 17/4/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức có Công văn số: 228 thông báo truy tìm Nguyễn Thị N gửi Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra các tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

Ngày 29/8/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức bắt được Nguyễn Thị N theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 16 ngày 17/8/2018.

Quá trình điều tra N khai nhận: Sau khi vay tiền của bà Hoàng Thị L, đáo hạn, do không có tiền trả nên từ cuối năm 2015 N đã bỏ trốn với mục đích trốn tránh việc trả nợ, không khai báo tạm trú, tạm vắng, không có nơi ở ổn định, sống Lg thang ở Hà Nội nay chỗ này mai chỗ khác N không nhớ địa chỉ cụ thể. Đến tháng 11/2017 N tiếp tục trốn và sống tại thị trấn nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La nhưng tại đây N cũng không khai báo tạm trú, tạm vắng và thường xuyên vắng mặt tại chỗ ở; cắt đứt mọi liên lạc với gia đình, người thân.

Tại phiên tòa N thừa nhận đã 07 lần vay tiền của bà L như sau:

+ *Lần 1:* Ngày 28/10/2011, N vay của bà L 30.000.000 đồng theo khế ước cầm đồ ngày 28/10/2011 hạn trả ngày 26/11/2011. N thế chấp cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn C đối với diện tích 343m2 đất tại thôn TS, thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội {bản phô tô công chứng} kèm giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của N. N thừa nhận vay số tiền trên, đáo hạn N không trả nợ gốc, chỉ trả lãi. Bà L có giấy phép kinh doanh số 01Z8 000598 với ngành nghề kinh doanh cầm đồ ngày 18/6/2010.

+ *Lần 2:* Ngày 20/5/2014, N vay của bà L 30.000.000 đồng {không tĩnh lãi} theo giấy ghi nợ ngày 20/5/2014 hạn trả ngày 20/8/2014.

+ *Lần 3:* Ngày 10/3/2015, N vay của bà L 110.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 10/3/2015, hạn trả ngày 10/6/2015.

+ *Lần 4:* Ngày 20/5/2015, N vay của bà L 138.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 20/5/2015, hạn trả ngày 15/6/2015.

+ *Lần 5:* Ngày 15/7/2015, N vay của bà L 10.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 15/7/2015, hạn trả ngày 15/10/2015.

+ *Lần 6:* Ngày 24/7/2015, N vay của bà L 40.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 24/7/2015, hạn trả ngày 24/10/2015.

+ *Lần 7:* Ngày 11/9/2015, N vay của bà L 20.000.000 đồng theo giấy biên nhận ngày 11/9/2015.

N khai các lần vay trên N đều nhận tiền của bà Hoàng Thị L tổng số tiền là 350.000.000 đồng; đáo hạn không trả được đã bỏ trốn khỏi địa phương, che giấu nơi cư trú, trốn tranh nghĩa vụ trả nợ nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản

Ngày 01/8/2018, Công an huyện Mỹ Đức ra Quyết định trưng cầu giám định số 152 đối với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị N trên các giấy tờ, tài liệu: 01 *"Khế ước cầm đồ",* người vay đứng tên Nguyễn Thị N đề ngày 28/10/2011 {Ký hiệu A1}; 01 tài liệu viết trên giấy kẻ ngang, kích thước {25x17,5} cm, có nội dung: *"Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam…Tôi xẽ trả chị L <T8 năm 2014>, có chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị N, không đề ngày tháng năm"* {Ký hiệu A2}; 02 *"Giấy biên nhận",* đứng tên Nguyễn Thị N đề ngày 20/5/2014 và ngày 11/9/2015 {Ký hiệu A3, A4}; 03 *"Giấy vay tiền",* đứng tên Nguyễn Thị N, 01 bản đề ngày 10/3/2015 {Ký hiệu A5}, 02 bản không đề ngày tháng năm {Ký hiệu A6, A7}. Tại Kết luận giám định số: 6590/KLGĐ-PC54{Đ4} ngày 17/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội kết luận: "*Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N trên các mẫu cần giám định {Ký hiệu từ A1 đến A7} với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N trên các mẫu so sánh {Ký hiệu M1, M2}) là chữ do cùng một người viết và ký ra".*

Trong tổng số tiền 350.000.000 đồng N vay của L hai bên đều thỏa thuận về việc vay tiền tại nhà L ở TT, thị trấn ĐN, tuy nhiên L giao tiền cho N tại nhà L vào các ngày 28/10/2011, 20/5/2014, 19/1/2015, 10/3/2015, 24/7/2015, 11/9/2015 với tổng số tiền là 160.000.000 đồng; còn lại các ngày 29/12/2014, 20/5/2015, 15/7/2015 tại nhà Bùi Thị Vân, bà L đã giao cho N 190.000.000 đồng. Mặc dù các đối tượng thực hiện hành vi nhận tiền cả trên địa bàn huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội và địa phận huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, tuy nhiên do Nguyễn Thị N thỏa thuận vay tiền với Hoàng Thị L tại địa bàn huyện Mỹ Đức và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức là cơ quan phát hiện tội phạm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức thụ lý, điều tra là đúng thẩm quyền.

- Về hành vi phạm tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức:

Một ngày tháng 3/2015, tại quán cà phê cạnh đường Trường Chinh, Hà Nội, Nguyễn Thị N gặp và nhờ một người đàn ông không quen biết làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số AL 905460, số thửa 122, diện tích 343m2 mang tên Lê Văn C {chồng N} địa chỉ tại thôn TS, thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội do UBND huyện Mỹ Đức cấp ngày 23/6/2008 cho N với giá 7.000.000 đồng. Đến ngày 12/3/2015, có người đàn ông gọi điện hẹn N tại điểm xe bus bến xe Ba La – Hà Đông để giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và nhận tiền.

Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, ngày 22/5/2015, Nguyễn Thị N hỏi vay của Hoàng Thị L số tiền 200.000.000 đồng. Hai bên thỏa

thuận: N sẽ làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho anh Lê Đức Vinh con trai L để L cho N vay 200.000.000 đồng. N sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất {giả} cho L {giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật đã thế chấp tại N hàng VPBank}.

Ngày 25/5/2015, Nguyễn Thị N, Lê Văn C, Lê Đức Vinh đến Văn phòng công chứng Mỹ Đức để lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tối ngày 25/5/2015, N đến nhà L đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên cho L. Hôm sau ngày 26/5/2015, L cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N đưa đến Văn phòng công chứng Mỹ Đức đối chiếu và lấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì Văn phòng công chứng Mỹ Đức phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất N đưa cho L là giả.

Ngày 15/7/2016, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức ra quyết định trưng cầu giám định số 86/QĐ-CQĐT đối với hình dấu, chữ ký. Tại Kết luận giám định số: 5358/KLGĐ {PC54} ngày 9/9/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội kết luận: *"Hình dấu tròn "PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG" và hình dấu tròn "U.B.N.D THỊ TRẤN ĐN H. MỸ ĐỨC" TRÊN "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất" số AL 905460 có tên người sử dụng đất: Ông Lê Văn C, sinh năm 1977, số CMND: 111741971, địa chỉ thường trú: thị trấn ĐN, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây; cấp ngày: 23/6/2000 {Ký kiệu A1} là các hình dấu giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số. Chữ ký đứng tên Đinh Văn Dũng trên tài liệu cần giám định {Ký hiệu A1} với chữ ký đứng tên Đinh Văn Dũng trên tài liệu mẫu so sánh {Ký hiệu M5} không phải chữ do cùng người ký ra. Chữ ký đứng tên Lê Văn Cành trên tài liệu cần giám định {Ký hiệu A1} với chữ ký đứng tên Lê Văn Cành trên tài liệu mẫu so sánh {Ký hiệu M6} không phải chữ do cùng người ký ra. Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N dưới mục "Bên vay" trên "Giấy thỏa thuận", đề ngày 25/5/2015 {Ký hiệu A2} với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N dưới mục "Bên chuyển nhượng" trên "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất", đề ngày 25/5/2015 {Ký hiệu M3} là chữ do cùng người ký ra".*

Tại cơ quan điều tra N thừa nhận hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng để vay tiền nhưng chưa nhận tiền thì bị phát hiện.

- *Về các vấn đề khác của vụ án:*

Đối với hành vi N sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay 200.000.000 đồng của L, quá trình điều tra làm rõ: Giấy thỏa thuận vay tiền ngày 25/5/2015 giữa Nguyễn Thị N cùng chồng là Lê Văn C với Lê Đức Vinh vay 200.000.000 đồng nhưng Lê Đức Vinh không ký, N chưa nhận 200.000.000 đồng nên chưa đủ cơ sở định tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là cấu thành vật chất đối với Nguyễn Thị N. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý ở vụ án khác là thận trọng, phù hợp.

Ngoài ra, ngày 16/3/2015, N khai đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên cho anh Nguyễn Sỹ Đức để vay 100.000.000 đồng nhưng viết

giấy biên nhận. Đầu tháng 5/2015 N đã trả lại tiền cho Đức, nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đưa cho Đức. Cơ quan điều tra không thu hồi và không giám định được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà N đưa cho Đức và Đức không có yêu cầu nên không đề cập xử lý hình sự Nguyễn Thị N về hành vi này là có căn cứ.

Đối với người đàn ông làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Thị N, do N không biết họ tên, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức không có căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với Lê Văn C chồng Nguyễn Thị N do không biết N làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình để vay tiền nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Đức không đề cập xử lý là phù hợp.

- *Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:* Cáo trạng số: 4a/2018/CT-VKSMĐ ngày 28/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 3 Điều 175 và tội: *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo khoản 01 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 3 Điều 175; khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Thị N từ 7,5 đến 8 năm tù về tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*; từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội: *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội đối với bị cáo từ 8,5 năm đến 9,5 năm tù.

Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Về phần dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường trả bị hại số tiền là 350.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

- *Về lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Đức, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở vững chắc kết luận: Từ năm 2011 đến năm 2015, lợi dụng quan hệ quen biết Nguyễn Thị N đã nhiều lần vay của bà Hoàng Thị L tổng số tiền là 350.000.000 đồng; đáo hạn; không có khả năng trả nợ; N đã bỏ trốn khỏi địa phương; cắt đứt mọi liên lạc với gia đình, người thân; che giấu nơi cư trú nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Mặt khác, ngày 25/5/2015, N còn có hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số AL 905460, thửa đất số 122, tờ bản đồ số 02, diện tích 343m2 mang tên Lê Văn C {chồng N} đưa cho Hoàng Thị L nhằm mục đích vay tiền. Hành vi của Nguyễn Thị N đã cấu thành tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 3 Điều 175 và tội: *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo khoản 01 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng; đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương và gây phẫn nộ trong dư luận xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Về tình tiết định khung hình phạt:*

Bị cáo Nguyễn Thị N lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 350.000.000 đồng, vi phạm tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự là: *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng"* nên phải bị xét xử khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với và tội: *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* do hành vi phạm tội của Nguyễn Thị N chỉ thỏa mãn dấu hiệu cấu thành cơ bản nên chỉ bị xét xử theo khoản 01 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Song cũng xét, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố là bệnh binh có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nhưng căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo và để phục vụ đắc lực cho công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài

tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Hoàng Thị L có yêu cầu bị cáo phải bồi thường trả số tiền đã chiếm đoạt. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của bà L là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 485, Điều 489 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải bồi thường trả cho bà Hoàng Thị L số tiền là 350.000.000 đồng.

Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí:* Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* và tội: *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

Áp dụng: Khoản 03 Điều 175; khoản 01 Điều 341; điểm s khoản 01, khoản 02 Điều 51, Điều 38 và Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 08 (Tám) năm tù về tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*, 01 {Một} năm 06 {Sáu} tháng tù tội: *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 09 {Chín} năm 06 {Sáu} tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 29/8/2018.

Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải bồi thường trả bị hại bà Hoàng Thị L số tiền là 350.000.000 {Ba trăm năm mươi triệu} đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật *{đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án}* hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *{đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án}* cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình)

Nơi nhận:
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Công an huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS Mỹ Đức;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**